

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
NĂM 2024

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND huyện Tuy An)

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà										
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
Tổng cộng (I+II+III)		4.969,10	1.747.342,00	6.662,58							1.400,4	5.756.113	2.834.328	1.400						
I	Khối quản lý nhà nước	1.910,00	1.212.000,00	3.603,48							878,00	3.603.578,00	2.747.120,00	878,00						
1	Ban quản lý đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất - Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy An (cũ)	900	450.000	900						2024	358,0	617.578	0	358,0						
2	Nhà truyền thống xã An Chấn	1.010	762.000							2022	520	2.986.000	2.747.120	520						
II	Khối sự nghiệp	3.059,10	535.342,00	3.059,10							522	2.152.535	87.208	522	0	0	0	0	0	0
1	Trường Mần non xã An Xuân (nhận điều chuyển theo Quyết định số 1837/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của UBND tỉnh)	3.059,10	535.342,00	3.059,10																
	+ Dây nhà làm việc										199,00	411.000	27.208,20	199,00						
	+ Nhà lớp học 3 phòng, cấp 3, xây dựng năm 2019, sử dụng năm 2020									2020	318,40	1.702.105	557.578.	318,40						
	+ Nhà vệ sinh GV, cấp 4, xây dựng năm 2019, sử dụng năm 2020									2020	5	39.430	60.000	5						

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà										
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)		Hoạt động sự nghiệp				Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	Điểm trường thôn Kim Sơn – Trường mầm non xã An Thọ	1.200,00	150.000,00	1.200,00																
	- Dãy 3 phòng học									2019	302	2.100.000	1.399.650	302						
3	Điểm trường thôn Phú Cản – Trường mầm non xã An Thọ	4.150,00	518.750,00	4.150,00																
	- Dãy nhà cấp III gồm 03 phòng học, 01 nhà vệ sinh, 01 phòng hiệu trưởng									2020	506	3.213.711	2.701.163	506						
	- Phòng giáo dục thể chất									2020	98	650.122	509.058	98						
4	Điểm trường thôn Phú Mỹ – Trường mầm non xã An Thọ	838,00	92.180,00	838,00																
	- Dãy nhà cấp 3, 2 phòng: 01 phòng học và 01 phòng vệ sinh									2018	121	791.642	601.648	121						
5	Điểm trường thôn Kim Sơn – Trường TH và THCS An Thọ	2.500,00	312.500,00	2.500,00																
	- Dãy 6 phòng học									2021	520	3.878.504	3.413.084	520						
6	Điểm trường thôn Phong Thái, xã An Lĩnh – Trường TH và THCS Nguyễn Hoa																			
	- Dãy 10 phòng, gồm: 08 phòng học và 02 phòng làm việc									2020	1.386,2	9.414.650	9.038.064	1.386						
7	Điểm trường thôn Phong Phú – Trường THCS An Hiệp																			

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà										
		Diện tích (m ²)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m ²)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m ²)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m ²))						
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
	- Dãy tầng lầu 6 phòng học									2019	471,4	2.130.007	596.401,96							
	- Dãy nhà cấp 4 phòng học nhạc họa									2019	128	767.847,93	511.770,64							
	- Dãy nhà cấp 4 phòng học bộ môn TNXH									2020	128	796.704,23	584.143,54							
8	Điểm trường thôn Tuy Dương, xã An Hiệp – Trường TH An Hiệp																			
	- Dãy 4 phòng học									2010	256	1	1							
III	Khối các tổ chức	0,00	0,00	0,00							0,00	0,00	0,00	0,00						

Ghi chú
22
0

Ghi chú
22